

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 84/2025/HS-PT
Ngày: 08-9-2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Mỹ Dung

Bà Nguyễn Thị Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thư Linh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 83/2025/TLPT-HS ngày 16 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo Trịnh Văn H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2025/HS-ST ngày 29/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long).

Bị cáo có kháng cáo: **Trịnh Văn H**, sinh năm 1998 tại tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long); nơi cư trú: Số F, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Số F, ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn Đ, sinh năm 1969 và bà Lê Thị T, sinh năm 1972; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Bị hại: Lê Thị T1, sinh năm 1979; nơi cư trú: Số A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là Số A, ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 03/10/2024, ông Trịnh Văn Đ đi đến phần đất giáp ranh với phần đất của bà Trịnh Thị M (chị của ông Đ) ở ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long), nơi vị trí xe xúc đào (K) đang cuốc đất để thi công trụ đo gió cho Công trình Điện gió theo hợp đồng thuê đất giữa bà M và Công ty Đ1. Ông Đ cho rằng xe xúc đào đã cuốc đất chồng lấn trên phần đất của ông nên phát sinh cự cãi với bà M và chị Lê Thị T1 (con bà M). Sau đó, bà Lê Thị T (vợ ông Đ) đến và có cự cãi với bà M, chị T1 và chị Lê Thị L (em chị T1). Ông Đ đe dọa về nhà lấy dao qua chém bà M và chị T1. Về đến nhà, ông Đ lớn tiếng chửi và cầm lấy cây búa bằng kim loại (loại búa nhỏ dùng để đóng, nhỏ đinh) đi về hướng nhà chị T1. Lúc này, Trịnh Văn H (con ông Đ) đang cầm cây búa cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại có một mặt sắc và một mặt phẳng để đóng đinh làm chuồng nuôi chó. H thấy ông Đ chửi và cầm cây búa đi nên H cầm cây búa đang sử dụng đi theo, trên đường đi H giấu cây búa sau lưng quần rồi đi bộ theo sau ông Đ.

Khi đến trước cửa nhà chị T1, ông Đ nhìn thấy bà T bị té ngã, bà Tiếng N với ông Đ là bị đánh, nên ông Đ lớn tiếng chửi thì chị T1 từ trong nhà bước ra, giữa ông Đ và chị T1 cự cãi, chửi và thách thức nhau. Ông Đ cầm cây búa bằng tay phải dọa chém chị T1, chị T1 thách thức “ông ngon, ông đánh tôi đi” thì ông Đ dùng tay trái đâm vào đầu chị T1 01 cái. Chị T1 lùi lại nhặt lấy 01 khúc gỗ, ông Đ nói “tao thách mày đó” thì chị T1 ném khúc gỗ trúng ngực của ông Đ. Sau đó, chị T1 tiếp tục khom người định nhặt khúc gỗ khác thì H xông vào dùng chân phải đạp trúng vào đùi phải của chị T1 và rút cây búa ra chém dọa về phía chị T1 làm chị T1 lùi vào sát cửa nhà. Ông Đ cầm cây búa xông vào nhà tiền chế định đánh chị T1 thì được anh Hồ Văn T2 ôm lại, ngăn cản không cho ông Đ xông về phía chị T2. H nhìn thấy anh Hồ Văn T2 ôm ông Đ nên cầm cây búa xông đến định giải vây cho ông Đ, lúc này chị T2 cầm khúc gỗ bằng tay phải giơ lên định đánh H thì H xoay người lại, đứng đối diện cách chị T2 khoảng 01m, tay phải cầm búa chém 01 cái về phía chị T2 theo hướng từ trên xuống dưới, từ phải qua trái, chị T2 phản xạ đưa tay trái lên đỡ nên bị chém trúng lòng bàn tay trái gây thương tích. Ngay sau đó, có nhiều người can ngăn nên cây búa của H rớt xuống nền sân bằng xi măng làm cây búa bị gãy làm 02 phần (phần cán bằng gỗ và phần lưỡi búa bằng kim loại). Cùng lúc này, bà T dùng khúc gỗ đánh vào người anh Hồ Văn T2, chị Huỳnh Thị H1 (cháu bà M) cầm cây chổi đánh và nắm tóc bà T kéo ra. Chị Lê Thị L nghe thấy có tiếng hô “chị T2 bị chém rồi” nên cầm đoạn kim loại (bằng sắt, dạng có sọc) chạy qua nhà chị T2 thì được lực lượng làm nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự ngăn cản. Chị T2 được người nhà đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện T (nay là Trung tâm y tế K), sau đó chuyển đến Bệnh viện Đ2 tại thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long) để điều trị từ ngày 03/10/2024 đến ngày 08/10/2024. Ngày 21/10/2024, chị Lê Thị T1 có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với hành vi cố ý gây thương tích của Trịnh Văn Đ và Trịnh Văn H.

* Vật chứng trong vụ án thu giữ gồm:

- 01 (một) lưỡi búa bằng kim loại, bị rỉ sét, có 01 cạnh sắc; lưỡi búa có chiều dài 0,14m, phần rộng nhất là 0,09m, cân nặng 0,94kg; có dấu vết cán búa bằng gỗ đầu nối với lưỡi búa bị gãy có kích thước (0,04 x 0,02)m;

- 01 (một) khúc gỗ có chiều dài là 0,34m, đường kính 0,04m, cân nặng 0,37kg; 01 đầu có dấu vết bị gãy có kích thước (0,04 x 0,02)m;

- 01 (một) cây búa kim loại, có kích thước chiều dài 0,26m, phần lưỡi rộng 0,11m, cân nặng 0,98kg (cây búa của ông Trịnh Văn Đ);

- 01 (một) khúc gỗ có kích thước chiều dài là 0,47m, cân nặng 0,44kg (khúc gỗ chị Lê Thị T1 ném trúng vào ngực ông Trịnh Văn Đ);

- 01 (một) khúc gỗ có chiều dài 0,64m, cân nặng 0,5kg (khúc gỗ thứ hai mà chị Lê Thị T1 sử dụng);

- 01 (một) khúc gỗ có kích thước chiều dài là 0,5m, cân nặng 0,08kg (khúc gỗ bà Lê Thị T sử dụng để đánh anh Hồ Văn T2);

- 01 (một) đoạn kim loại dạng sọc, có kích thước (1,23 x 0,01)m, cân nặng 1,03kg (do chị Lê Thị L mang đến hiện trường).

* Tại Giấy chứng nhận thương tích số 893/CN-BVMĐ ngày 30/10/2024 của Bệnh viện Đ2 chứng nhận Lê Thị T1 vào viện lúc 18 giờ 20 phút ngày 03/10/2024, ra viện lúc 11 giờ ngày 08/10/2024 với các thương tích sau:

- Than đau đầu, sưng đỉnh đầu phải 03cm x 02cm;

- Than đau ngực, ngực sưng nề ít 02cm x 01cm;

- Vết thương lòng bàn tay trái (đã khâu ở bệnh viện H2) kích thước 10cm x 03cm đứt bán phần gân gấp ngón 1, vết thương đi dọc cạnh trong cơ mô cái (bút lục 60-61).

* Tại Kết luận giám định số: 417/24/KLTTCT-TTPYBT ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Trung tâm pháp y tỉnh B (nay là tỉnh Vĩnh Long) kết luận giám định:

- Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Thị T1 tại thời điểm giám định là: 08% (tám phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể từng thương tích của Lê Thị T1 là:

+ Sẹo mặt lòng bàn tay trái, kích thước trung bình: 02% (hai phần trăm) - Căn cứ Chương 8, Mục I.2.

+ Cứng khớp liên đốt ngón 1 bàn tay trái: 06% (sáu phần trăm) - Căn cứ Chương 7, Mục VI.5.1.

- Cơ chế hình thành vết thương của Lê Thị T1 do vật sắc gây ra.

- Chiếc búa gửi đi giám định khi chưa gãy nếu Trịnh Văn H dùng tay phải cầm búa chém 01 cái theo hướng từ trên xuống dưới, từ phải qua trái trúng vào bàn tay của Lê Thị T1 có thể gây ra thương tích như trên cho Lê Thị T1.

Đối với vết thương của Lê Thị T1 được ghi nhận trong Giấy chứng nhận thương tích là “ngực sưng nề ít 02cm x 01cm”, quá trình điều tra chị T1 trình bày

trong lúc chị T1 đang ở trong nhà, nghe tiếng ông Đ chửi ở trước nhà nên chị T1 chạy ra có va chạm với cạnh cửa gây ra thương tích nêu trên.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2025/HS-ST ngày 29/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long) đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn H phạm tội “Cố ý gây thương tích”;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trịnh Văn H 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án;

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, nghĩa vụ khi chậm thi hành án; xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 06/5/2025, bị cáo Trịnh Văn H kháng cáo yêu cầu sửa lại Bản án hình sự sơ thẩm.

(Ngày 16/6/2025, bị hại Lê Thị T1 có đơn đề nghị rút yêu cầu khởi tố vụ án, khởi tố bị can).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Trịnh Văn H khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với Bản án sơ thẩm. Bị cáo giữ nguyên kháng cáo yêu cầu sửa lại Bản án hình sự sơ thẩm là không xử lý hình sự đối với bị cáo, vì bị hại Lê Thị T1 đã rút lại yêu cầu khởi tố vụ án hình sự và yêu cầu đình chỉ vụ án.

- Bị hại Lê Thị T1 trình bày: Bị cáo Trịnh Văn H đã dùng búa chém gây thương tích cho chị với tỷ lệ thương tật là 08%. Sau khi xét xử sơ thẩm xong thì giữa chị với bị cáo đã có sự thỏa thuận với nhau về bồi thường thiệt hại, bị cáo đồng ý bồi thường cho chị tổng số tiền 60.000.000 đồng, bị cáo đã bồi thường cho chị số tiền 56.000.000 đồng, còn 4.000.000 đồng giữa chị với bị cáo tự nguyện thỏa thuận bồi thường sau, chị không yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự, chị tự nguyện rút lại yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với bị cáo và yêu cầu đình chỉ vụ án.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Do bị hại Lê Thị T1 đã tự nguyện rút lại yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với bị cáo và yêu cầu đình chỉ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 359 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không xem xét đơn kháng cáo của bị cáo Trịnh Văn H; hủy Bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án.

- Bị cáo Trịnh Văn H không tranh luận.

- Bị hại Lê Thị T1 không tranh luận.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Xin lỗi bị hại và gia đình bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào hành vi của bị cáo Trịnh Văn H sử dụng cây búa (có phần cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại có chiều dài 14cm, chiều rộng 09cm, trọng lượng 0,94kg, có 01 cạnh sắc) là hung khí nguy hiểm chém gây thương tích cho bị hại Lê Thị T1 với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 8% xuất phát từ nguyên có nhỏ nhất giữa cha của bị cáo H và mẹ của bị hại T1. Mặc dù tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bị hại T1 chưa đến 11%, nhưng bị cáo H đã sử dụng cây búa là hung khí nguy hiểm chém bị hại T1 gây thương tích, bị hại T1 đã có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự và xử lý hình sự đối với bị cáo. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Trịnh Văn H phạm tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung “*Dùng hung khí nguy hiểm*” theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật;

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét về nguyên nhân, điều kiện dẫn đến hành vi phạm tội; thủ đoạn, động cơ, mục đích phạm tội; tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra; nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với cáo. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trịnh Văn H 09 (chín) tháng tù;

[3] Xét kháng cáo yêu cầu không xử lý hình sự của bị cáo Trịnh Văn H, thấy rằng:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, vào ngày 16/6/2025 bị hại Lê Thị T1 có “Đơn đề nghị” rút toàn bộ yêu cầu khởi tố vụ án, khởi tố bị can, không khởi tố hình sự đối với bị cáo Trịnh Văn H, đình chỉ vụ án với lý do đã thỏa thuận được về bồi thường thiệt hại và đã thực hiện bồi thường xong. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại T1 cũng tự nguyện rút lại yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với bị cáo H và yêu cầu đình chỉ vụ án với lý do hai bên đã thỏa thuận giải quyết xong về phần trách nhiệm dân sự và bị cáo H cũng đã nhận thức được lỗi lầm của mình. Xét thấy việc bị hại T1 đã tự nguyện rút lại yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với bị cáo H và yêu cầu đình chỉ vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, kháng cáo của bị cáo H yêu cầu không xử lý hình sự đối với bị cáo là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, đồng thời Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án theo quy định pháp luật. Trong trường hợp này, việc hủy Bản án sơ thẩm và đình

chỉ vụ án là do bị hại rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự theo quy định của pháp luật, nên không phải lỗi của Tòa án cấp sơ thẩm.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị hủy Bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: giữa bị cáo H và bị hại T1 đã tự nguyện thỏa thuận giải quyết về phần bồi thường thiệt hại, bị hại T1 không yêu cầu giải quyết về phần trách nhiệm dân sự nên không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ tang vật của vụ án là 01 lưỡi búa bằng kim loại, bị rỉ sét, có 01 cạnh sắc; lưỡi búa có chiều dài 0,14m, phần rộng nhất là 0,09m, cân nặng 0,94kg; có dấu vết cán búa bằng gỗ đầu nối với lưỡi búa bị gãy có kích thước (0,04 x 0,02)m và 01 (một) khúc gỗ có chiều dài là 0,34m, đường kính 0,04m, cân nặng 0,37kg; 01 đầu có dấu vết bị gãy có kích thước (0,04 x 0,02)m. Xét thấy đây là công cụ mà bị cáo H sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí:

- Do bị hại T1 đã rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với bị cáo H, nên bị hại T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 155; điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 355; khoản 2 Điều 359; Điều 109; điểm b khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trịnh Văn H;

Hủy Bản án sơ thẩm số: 14/2025/HS-ST ngày 29-5-2025 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long) và đình chỉ vụ án.

Hủy bỏ Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số: 31/2025/HSST-QĐ ngày 29/5/2025 của Hội đồng xét xử sơ thẩm Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long).

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 593 của Bộ luật Dân sự;